TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 107/2020/QĐST-HNGĐ	*Cái Bè, ngày 24 tháng 4 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 156/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Trương Hoàng T1,** sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Chị **Võ Hồng T2,** sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh **Trương Hoàng T1,** sinh năm: 1986. Địa chỉ: Ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang và Chị **Võ Hồng T2,** sinh năm: 1989. Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Hoàng T1 và chị Võ Hồng T2 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Trương Tiến T3, sinh ngày: 19/12/2013 cho chị T2 tiếp tục nuôi dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng: Anh T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 800.000 đồng/tháng. Thời gian thực hiện ngay khi quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T3 trưởng thành (Tròn 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị T2 có đơn yêu cầu thi hành án đối với phần tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh T1 chậm thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Trương Hoàng T1 tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003254 ngày 16/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên xem như thi hành xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

PHẠM VĂN NHỊN